

Fill in blanks with the correct prepositions: in, at, on, to, about...

41.2000/ July/ Summer/ Spring/ Autumn/ fall/ winter
42. turn: bật/ tắt 43. turn: tắt
44. turn: vặn to 45. turn: vặn nhỏ
46. prevent/ stop: ngăn chặn
47. spend : xài, tiêu xài, dành thời gian làm gì
48. wear: mòn rách 49. name : đặt tên giống
50. take: lựa chọn 51. divide.... : phân chia
52. add.....: thêm vào 53. go : tiếp tục
54. go: reo, nổ 55. give: từ bỏ
56. take: cất cánh 57. Set..... : thành lập
58. Set: khởi hành 59. fill the form: điền vào mẫu đơn
60. Wake: thức giấc